

Bản án số: 05/2018/HSST

Ngày: 22 - 01- 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo: Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 tại Quảng Nam; Hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã M, huyện P, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Khu phố 8, thị trấn M, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hoá: 12/12; cha (không rõ) và mẹ là bà Võ Thị B; vợ là chị Nguyễn Thị V.

Tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20-9-2017 cho đến ngày xét xử.

(Bị cáo Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa).

- Nguyên đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Địa chỉ: Khu công nghiệp P, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu H - chức vụ: Giám đốc kinh doanh (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Văn Viết H, sinh năm 1960;

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Đinh Thị Xuân E, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã L, huyện S, tỉnh Quảng Nam;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 8, thị trấn M, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

5. Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Địa chỉ: Xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn A - chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Văn L là nhân viên kinh doanh phụ trách địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của Công ty trách nhiệm hữu hạn D (gọi tắt là công ty D) theo hợp đồng lao động số 2299/HĐLĐ-DN - D ngày 14-9-2016 do ông G làm đại diện. Bị cáo L phụ trách công việc là tiếp nhận đại lý của công ty D để mở rộng thị trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Công việc chính là đến đại lý tư vấn về cám hỗn hợp, thú y, giống gia súc, gia cầm và tìm kiếm khách hàng mới cho đại lý. Trong quá trình làm việc với đại lý, vào ngày 08-6-2017 đại lý ông Văn Viết H và vợ là bà Trần Thị T cùng trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mua 1.000 con vịt giống của công ty D với giá 16.500.000đồng. Sau khi được chiết khấu còn lại số tiền 15.500.000đồng và chưa chuyển tiền cho công ty D. Đến ngày 13-6-2017, bị cáo đến đại lý của ông H thu số tiền 15.500.000đồng để nộp cho công ty D nhưng bị cáo không nộp mà báo lại công ty D là đại lý xin nợ và bị cáo dùng số tiền này để tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận trước đó vào khoảng thời gian từ ngày 22-11-2016 đến ngày 18-01-2017, bị cáo đã nhận tiền thanh toán 04 đơn hàng mua cám của đại lý ông H nhưng bị cáo không nộp đủ về cho công ty D mà chỉ nộp một phần, giữ lại một phần để dùng vào việc riêng. Đối chiếu với bảng chiết tính công nợ giữa công ty D và đại lý của ông H cụ thể từng lần nộp tiền của bị cáo như sau: Vào ngày 22-11-2016, bị cáo nhận 46.599.500 đồng, nộp về công ty 40.350.000 đồng; ngày 06-12-2016, bị cáo nhận 55.264.000 đồng, nộp về công ty 40.000.000đồng; ngày 19-12-2016, bị cáo nhận 43.736.000đồng, nộp về công ty 37.300.000 đồng và ngày 18-01-2017, bị cáo nhận 59.108.250đồng, nộp về công ty 25.000.000đồng. Tổng số tiền bán ra của công ty là 204.707.750đồng, số tiền chiết khấu công ty D chiết khấu lại cho đại lý là 4.422.750đồng, số tiền bị cáo chuyển về cho công ty là 142.650.000 đồng, số tiền bị cáo chiếm đoạt của công ty D là 57.635.000đồng (Bút lục số 27-29)

Ngoài đại lý Văn Viết H thì vào ngày 07-11-2016, bị cáo mượn số code của đại lý Đinh Thị Xuân E; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) để nhập 5.750kg cám vịt của công ty D về bán lại cho các trại chăn nuôi khác trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bị cáo chịu trách nhiệm nộp số tiền đối với số lượng cám trên về công ty D. Sau đó bị cáo báo lên công ty là đại lý muốn mua thiếu 01 đơn hàng 5.750kg với số tiền 53.130.000 đồng nên công ty D đồng ý xuất hàng. Sau khi nhập hàng về thì bị cáo đem cám đi bán cho các trang trại chăn nuôi và thu tiền nhưng bị cáo không nộp về cho công ty D. Sau

khi đối chiếu bảng tính Công nợ giữa công ty và đại lý chị E, trừ chiết khấu cho đại lý thì số tiền cầm mà bị cáo chiếm đoạt của công ty D là 47.403.250 đồng (Bút lục số 23).

Vào tháng 7-2017, công ty D tiến hành đối chiếu công nợ với khách hàng. Sau khi đến làm việc với đại lý của ông H và đại lý của chị E về số nợ thì phát hiện ra hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo Nguyễn Văn L. Đại diện theo ủy quyền của công ty là ông Trần Hữu H đã làm việc và bị cáo hứa hẹn sẽ hoàn trả tổng số tiền chiếm đoạt cho công ty D nhưng bị cáo không thực hiện. Đến ngày 15-9-2017, ông Trần Hữu H đã nộp đơn tố cáo hành vi của bị cáo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Qua quá trình đối chiếu công nợ thì công ty D còn phát hiện bị cáo chiếm đoạt tiền của công ty D thông qua 01 đại lý ở địa bàn huyện M và 01 đại lý ở địa bàn huyện K. Tuy nhiên, Chị Nguyễn Thị V là vợ của bị cáo đã thỏa thuận bồi thường số tiền chiếm đoạt trên hai địa bàn này và công ty D đồng ý nên không yêu cầu giải quyết (Bút lục số 36).

Như vậy tổng số tiền mà bị cáo L đã chiếm đoạt của công ty D là 120.538.250 đồng (Bút lục số 64-79).

Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện gia đình bị cáo là chị Nguyễn Thị V đã đứng ra bồi thường cho công ty D số tiền 120.000.000 đồng (trong đó khắc phục 73.135.000 đồng đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của đại lý Văn Viết H và 46.965.000 đồng khắc phục số tiền bị cáo chiếm đoạt trên các địa bàn khác). Ông Trần Hữu H là người đại diện theo ủy quyền của công ty D đã nhận đủ tiền, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ cho bị cáo, cam kết không thắc mắc khiếu nại về sau (Bút lục số 38, 58).

Đối với số tiền chị V đã bồi thường thay cho bị cáo thì chị V không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Tại bản Cáo trạng số 85/QĐ-KSĐT ngày 29-11-2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn L là nhân viên kinh doanh của công ty D đã nhận tiền mua vệt giống và mua cám của đại lý Văn Viết H với tổng số tiền là 73.135.000 đồng; mượn số code của đại lý Đinh Thị Xuân E nhập 5.750kg cám vệt với số tiền 47.403.250 đồng nhưng không nộp về cho công ty D mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của công ty D là 120.538.250 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

[3] Đối chiếu quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt cao nhất là 20 năm tù là điều luật quy định nhẹ hơn so với Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân. Căn cứ điểm b khoản 1; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 nên phải áp dụng Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là “điều luật quy định một hình phạt nhẹ hơn”; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo là phù hợp. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Quá trình điều tra bị cáo khai đã chiếm đoạt của công ty D thông qua 01 đại lý ở địa bàn huyện M và 01 đại lý ở địa bàn huyện K. Tuy nhiên, Chị Nguyễn Thị V là vợ của bị cáo với công ty D đã thỏa thuận bồi thường nên công ty D không yêu cầu giải quyết.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn L là người đã trưởng thành, có đủ nhận thức và hiểu biết hành vi chiếm đoạt tài sản là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không chỉ lợi dụng lòng tin, sự tín nhiệm của công ty nơi bị cáo làm việc để chiếm đoạt tài sản mà còn làm mất trật tự trị an địa phương. Sự cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành

người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội thì bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và nguyên đơn dân sự có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Vì vậy, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị V là vợ của bị cáo đã bồi thường cho công ty trách nhiệm hữu hạn D số tiền 120.000.000đồng (trong đó khắc phục 73.135.000đồng đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của đại lý Văn Viết H và 46.965.000 đồng khắc phục số tiền bị cáo chiếm đoạt trên địa bàn khác). Ông Trần Hữu H là người đại diện theo ủy quyền của công ty D đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền Chị Nguyễn Thị V bồi thường thay cho bị cáo thì chị V không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn L 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 20-9-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước;

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-01-2018). Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; đối với nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PV27 Công an tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;
- Công an huyện Châu Đức;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thanh Túy